TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 07/2019/KDTM - GĐT
Ngày 29/10/2019
Về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản do cầm cố*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán Lại Văn Trình - Phó Chánh án làm chủ tọa phiên tòa.

Thẩm phán: Ông Lê Tự - Thành viên

Thẩm phán Đặng Kim Nhân – Thành viên.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Hồng Nhạn – Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng*** tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án kinh doanh, thương mại "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản do cầm cố*" giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: S, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Ph - Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố B Đắk Lắk (theo Văn bản ủy quyền ngày 190118/UQ ngày 19/01/2018).

Địa chỉ: Q, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn Th.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Y - Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: V, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Mai Xuân L.

Cư trú: V1, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 07/8/2014 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng N trình bày:

Ngày 22/11/2010, Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và Công ty trách nhiệm hữu hạn Th (sau đây gọi tắt là Công ty

Th) ký kết Hợp đồng tín dụng số 5201LAV201001411 vay vốn hạn mức tín dụng ngắn hạn số tiền: 8.000.000.000 đồng (Tám tỷ đồng). Mục đích vay để kinh doanh thu mua cà phê nông sản, lãi suất tại thời điểm vay là 16%/năm, giải ngân theo giá trị tài sản đảm bảo.

Để bảo đảm cho khoản vay trên, Công ty Th đã thế chấp một số quyền sử dụng đất của người thứ ba là bà Lê Thị Y và ông Mai Xuân L.

Khi đến thời điểm mùa thu hoạch hạt điều, Công ty Th cần bổ sung vốn để thu mua hạt điều nên giữa Ngân hàng và Công ty Th đã thỏa thuận ký Hợp đồng cầm cố tài sản là kho hạt điều khô loại 1, cụ thể các đợt cầm cố và vay như sau:

+ Ngày 28/04/2011, Công ty Th cầm cố 64,96 tấn hạt điều khô theo Hợp đồng cầm cố (sau đây viết tắt là HĐCC) số: 270411/59/HĐCC, giá thỏa thuận giữa 2 bên là 32.000.000 đồng/tấn, thành tiền là: 2.078.720.000 đồng để vay số tiền: 1.000.000.000 đồng theo giấy nhận nợ số 5201LDS201100661; thời hạn vay 03 tháng, ngày đến hạn là 28/07/2011 (được gọi đợt 1).

Đến ngày 21/7/2011, Công ty Th trả hết nợ và xin vay lại, tài sản cầm cố là số lượng hạt điều nêu trên. Ngày 22/7/2011, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty Th số tiền 1.000.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ số 520LDS201101058, thời hạn vay 03 tháng, ngày đến hạn là ngày 22/10/2011.

Đến ngày 20/10/2011, Công ty Th trả hết nợ và xin vay lại, tài sản cầm cố là số lượng hạt điều nêu trên. Ngày 21/10/2011, Ngân hàng tiếp tục giải ngân cho Công ty số tiền 1.000.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ số 520LDS201101586, thời hạn vay 03 tháng, ngày đến hạn là ngày 21/01/2012.

+ Ngày 05/05/2011, Công ty Th cầm cố 60 tấn hạt điều khô theo HĐCC số: 050511/59/HĐCC, giá thỏa thuận giữa 2 bên là 34.000.000 đồng/tấn thành tiền là: 2.040.000.000 đồng để vay số tiền: 1.000.000.000 đồng, theo giấy nhận nợ số 5201LDS 201100699 thời hạn vay 03 tháng, ngày đến hạn là 05/08/2011 (được gọi đợt 2).

Đến ngày 12/8/2011, Công ty Th trả hết nợ và xin vay lại, tài sản cầm cố là số lượng hạt điều nêu trên. Ngày 13/8/2011, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty số tiền 1.000.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ số 520LDS201101155, thời hạn vay 03 tháng, ngày đến hạn là ngày 13/11/2011.

Đến ngày 12/11/2011, Công ty Th trả hết nợ và xin vay lại, tài sản cầm cố là số lượng hạt điều nêu trên. Ngày 14/11/2011, Ngân hàng tiếp tục giải ngân cho Công ty số tiền 1.000.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ số 520LDS201101735, thời hạn vay 03 tháng, ngày đến hạn là ngày 14/02/2012.

+ Ngày 17/08/2011, Công ty Th cầm cố 53 tấn hạt điều khô theo HĐCC số: 150811/59/HĐCC, giá thỏa thuận giữa 2 bên là A 38.000.000đồng/tấn, thành tiền là 2.014.000.000 đồng để vay số tiền: 1.000.000.000 đồng theo giấy nhận nợ số 5201LDS201101169 ngày 18/08/2011, ngày đến hạn 15/11/2011 (được gọi đợt 3).

Đến ngày 15/11/2011, Công ty Th trả hết nợ và xin vay lại, tài sản cầm cố là số

lượng hạt điều nêu trên. Ngày 16/11/2011, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty số tiền 1.000.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ số 520LDS201101750, thời hạn vay 03 tháng, ngày đến hạn là ngày 16/02/2012.

Tổng lượng hạt điều khô loại 1 cầm cố là 177,96 tấn thành tiền là 6.132.000.000 đồng để vay số tiền 3.000.000.000 đồng. Vì Công ty Th không trả được nợ nên Ngân hàng đã xuất bán tài sản cầm cố là hạt điều khô để thu hồi nợ. Tính đến ngày 29/3/2016 *(ngày xét xử bản án 05/2016/KDTM-ST)* dư nợ của Công ty Th còn lại là: 3.121.000.000 đồng (Ba tỷ một trăm hai mươi mốt triệu đồng).

Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án xem xét, buộc Công ty Th phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 3.121.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 08/01/2018 là: 3.003.420.583 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là: 6.124.420.583 đông *(Sáu tỷ một trăm hai mươi bốn triệu bốn trăm hai mươi nghìn năm trăm tám mươi ba đồng*) và tiền phát sinh từ ngày 09/01/2018 cho đến nay. Nếu Công ty Th không trả hết nợ cho Ngân hàng, thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Th yêu cầu Ngân hàng phải bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng cầm cố hạt điều với số tiền 3.368.173.250 đồng và tiền lãi thì Ngân hàng không đồng ý bởi các lý do sau: Việc xác định số lượng hàng hóa nhập vào dựa trên cơ sở chọn, cân mẫu một số bao hạt điều và nhân với số lượng bao đã được khách hàng xếp sẵn trong kho, dẫn đến việc tính chính xác không cao; khi xuất bán khối lượng hàng hóa trừ bao bì còn khi nhập hàng vào để cầm cố, các bên thỏa thuận tính cả trọng lượng bao bì; do Công ty Th cầm cố hạt điều trong thời gian gần một năm nên hạt điều bị hao hụt cả về trọng lượng và số lượng rất lớn; sau khi bán hàng đợt cuối, đối tác của Công ty Th không mua thêm số hạt điều còn lại trong kho, Ngân hàng đã đề nghị Công ty Th lấy số hạt điều tồn về tự chủ động bán.

Quá trình làm việc, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thừa nhận việc chọn mẫu một số bao hạt điều để cân và nhân lên trọng lượng, khi nhập vào thì không trừ bao bì còn khi bán ra có trừ bao bì nên hao hụt trọng lượng so với khi nhập hạt điều vào kho là do lỗi chủ quan của Ngân hàng; khi nước mưa tràn vào kho thì Ngân hàng đã chậm xử lý làm hạt điều bị ngấm nước nên giá trị hạt điều bị giảm sút cũng có một phần lỗi thuộc về Ngân hàng nhưng không biết cụ thể là bao nhiêu, vì vậy đề nghị Tòa án xem xét quyết định vấn đề này.

- *Bị đơn là Công ty TNHH Th trình bày:* Thống nhất với lời trình bày của Ngân hàng về việc ký Hợp đồng tín dụng cũng như việc cầm cố hạt điều. Trong quá trình cầm cố hạt điều, Ngân hàng đã thiếu trách nhiệm dẫn đến nước mưa tràn vào kho làm ướt hạt điều, Ngân hàng cũng không có biện pháp xử lý triệt để dẫn đến hạt điều bị ẩm, hư hỏng và sụt giảm giá trị. Sau đó, Ngân hàng tự bán tài sản cầm cố là toàn bộ kho hạt điều để thu hồi nợ; tổng số hạt điều đã bán là 159.659 kg thu về 2.764.546.750 đồng, bị hao hụt so với ban đầu là 18.265kg và sụt giảm giá bán so với giá thị trường. Theo quy định tại Hợp đồng cầm cố thì bên nhận cầm cố là Ngân hàng có trách nhiệm bảo quản,

giữ gìn tài sản cầm cố, nếu tài sản bị hư hỏng, mất giá trị hoặc sụt giảm giá trị thì bồi thường. Như vậy, Ngân hàng có lỗi trong việc bảo quản điều làm hạt điều bị sụt giảm giá trị và hao hụt khối lượng, tự ý bán tài sản cầm cố mà không báo cho Công ty nên phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Công ty Th gồm:

Giá trị hạt điều khi nhập là 6.132.720.000 đồng – số tiền thu về 2.764.546.750 đồng = 3.368.173.250 đồng.

Nay Công ty Th đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khấu trừ số tiền thiệt hại điều vào số tiền mà Công ty Th còn nợ Ngân hàng tại thời điểm xảy ra thiệt hại và không tính tiền lãi đối với số tiền bị thiệt hại cũng như không tính tiền lãi của hợp đồng tín dụng kể từ khi khấu trừ, còn lại bao nhiêu thì Ngân hàng phải bồi thường tiếp cho Công ty. Nếu Ngân hàng tính lãi của hợp đồng tín dụng thì Công ty cũng tính lãi số tiền bị thiệt hại kể từ thời điểm xảy ra thiệt hại cho đến khi Ngân hàng bồi thường hết cho Công ty và yêu cầu Ngân hàng phải trả lại các tài sản mà Công ty đã thế chấp cho Ngân hàng là các quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của ông Lâm, bà Yến.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Xuân L trình bày:*

Thống nhất với trình bày của Ngân hàng về việc Ông đã thế chấp một số quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của vợ chồng Ông để bảo đảm cho khoản vay của Công ty Th. Ông đề nghị Ngân hàng trả lại tài sản thế chấp cho Ông vì sau khi đối trừ nghĩa vụ thì Công ty Th không còn nợ Ngân hàng nữa.

- Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 05/2016/KDTM-ST ngày 29/3/2016, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Đối với Hợp đồng tín dụng: Buộc Công ty TNHH Th phải trả cho Ngân hàng N – Chi nhánh thành phố B tổng số tiền là 3.264.383.334 đồng, trong đó nợ gốc là 3.121.000.000 đồng và nợ lãi là 143.383.334 đồng.

Đối với Hợp đồng cầm cố tài sản: Buộc Ngân hàng N – Chi nhánh thành phố B phải bồi thường cho Công ty TNHH Th số tiền 3.880.169.240 đồng.

Như vậy, sau khi khấu trừ số tiền mà Công ty Th nợ Ngân hàng N – Chi nhánh thành phố B thì Ngân hàng N – Chi nhánh thành phố B còn phải bồi thường cho Công ty TNHH Th số tiền 615.785.906 đồng.

Đối với tài sản thế chấp: Buộc Ngân hàng N – Chi nhánh thành phố B phải trả lại 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Mai Xuân L, bà Lê Thị Y.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 12/4/2016, Ngân hàng kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Tại Quyết định số 02/QĐ/KNPT-KDTM ngày 09/4/2016, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk kháng nghị bản án sơ thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm nêu trên.

- Tại Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 12/2016/KDTM-PT ngày 26/7/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lắk quyết định:

Chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố B; sửa bản án sơ thẩm.

Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng N – Chi nhánh thành phố B. Buộc Công ty TNHH Th phải trả cho Ngân hàng N – Chi nhánh thành phố B tổng số tiền 5.063.897.786 đồng; trong đó nợ gốc là 3.121.000.000 đồng và tiền lãi là 1.942.897.786 đồng.

Chấp nhận một phần đơn khởi kiện yêu cầu bồi thường của Công ty TNHH Th; Buộc Ngân hàng N – Chi nhánh thành phố B phải bồi thường cho Công ty TNHH Th 18.265kg hạt điều khô loại 1 (không quy đổi giá trị), số tiền chênh lệch khi bán là 606.609.125 đồng và tiền lãi của số tiền chênh lệch là 224.621.123 đồng.

Bác một phần đơn yêu cầu bồi thường của Công ty TNHH Th với số tiền 3.393.138.002 đồng.

Như vậy, sau khi khấu trừ số tiền mà Ngân hàng N – Chi nhánh thành phố B phải bồi thường cho Công ty TNHH Th và tiền lãi phát sinh thì Công ty TNHH Th còn phải trả cho Ngân hàng N – Chi nhánh thành phố B số tiền 4.232.667.538 đồng và tiếp tục trả lãi trên số nợ gốc theo Hợp đồng đã ký cho đến khi trả xong nợ gốc.

Ngân hàng N – Chi nhánh thành phố B còn phải bồi thường cho Công ty THNH Th 18.265kg hạt điều khô loại 1.

Đối với tài sản thế chấp: Trường hợp Công ty TNHH Th không trả được nợ hoặc trả không đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

- Tại Quyết định Giám đốc thẩm số 23/2017/KDTM-GĐT ngày 21/8/2017, Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng hủy toàn bộ Bản án phúc thẩm và Bản án sơ thẩm nêu trên, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

- Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 14/2018/KDTM-ST ngày 18/10/2018, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 290; khoản 5 Điều 331; Điều 332; Điều 336; Điều 338; Điều 471; Điều 474, Điều 715, Điều 717, khoản 2 Điều 719 Bộ luật dân sự 2005,

Áp dụng khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

Áp dụng khoản 1 Điều 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 19/12/2006 của Chính phủ đối với các giao dịch hảo đảm.

Áp dụng Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Đối với tranh chấp hợp đồng tín dụng: Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Th phải trả cho Ngân hàng N số tiền là: 3.264.383.334 đồng (Ba tỷ hai trăm sáu mươi

triệu ba trăm tám mươi ba ngàn ba trăm ba mươi bốn đồng). Trong đó: tiền gốc là 3.121.000.000 đồng và tiền lãi là 143.383.334 đồng.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản do cầm cố: Buộc Ngân hàng N phải bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Th số tiền: 3.606.847.631 đồng.

Sau khi đối trừ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng N còn phải bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Th số tiền là: 342.464.297 đồng (Ba trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi tư ngàn hai trăm chín mươi bảy đồng).

Đối với tài sản thế chấp: Buộc Ngân hàng N trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Th các tài sản thế chấp gồm 04 quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đứng tên ông Mai Xuân L, bà Lê Thị Y.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 30/10/2018, Ngân hàng kháng cáo yêu cầu Công ty Th phải trả nợ gốc và lãi theo quy định tại Hợp đồng tín dụng.

- Ngày 28/10/2018, Công ty Th kháng cáo đề nghị tính lãi đối với số tiền bồi thường thiệt hại kể từ ngày 21/3/2012 cho đến nay theo quy định của pháp luật.

- Tại Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 03/2019/KDMT-PT ngày 25/3/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng N và yêu cầu kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn Th. Sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 14/2018/KDTM-ST ngày 18/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B về án phí.

Áp dụng Điều 290, Khoản 5 Điều 331, Điều 332, Điều 336, Điều 338, Điều 471, Điều 474, Điều 715, Điều 717, khoản 2 Điều 719 Bộ luật dân sự 2005;

Áp dụng khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng;

Áp dụng khoản 1 Điều 58 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 19/12/2006 của Chính phủ về các giao dịch bảo đảm;

Áp dụng Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Đối với tranh chấp hợp đồng tín dụng: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Buộc công ty Trách nhiệm hữu hạn Th phải trả cho Ngân hàng N số tiền là: 3.264.383.334 đồng. Trong đó tiền gốc là 3.121.000.000 đồng và lãi suất là 143.383.334 đồng. Bác một phần đơn khởi kiện của Ngân hàng N đối với số tiền 2.860.037.249 đồng.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản do cầm cố: Chấp nhận một phần

đơn phản tố của Công ty trách nhiệm hữu hạn Th. Buộc ngân hàng N phải bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Th số tiền: 3.573.954.169 đồng. Bác một phần đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại của Công ty trách nhiệm hữu hạn Th tương đương với số tiền 1.326.219.081 đồng.

Sau khi đối trừ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng N còn phải bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Th số tiền là: 309.570.835 đồng.

Đối với tài sản thế chấp: Buộc Ngân hàng N trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Th các tài sản thế chấp gồm 04 quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đứng tên ông Mai Xuân L, bà Lê Thị Y.

- Sau khi xét xử phúc thẩm, Ngân hàng N có Đơn đề nghị và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk có Báo cáo đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án phúc thẩm nêu trên.

- Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 67/QĐ-VKS-KDTM ngày 15/7/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm nêu trên; đề nghị Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm theo hướng hủy Bản án phúc thẩm và Bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giải quyết lại theo quy định của pháp luật

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo quy định tại khoản 1 Điều 332 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 16 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm thì bên nhận cầm cố (Ngân hàng) có trách nhiệm bảo quản, giữ gìn tài sản cầm cố, nếu tài sản cầm cố bị mất, hư hỏng, mất giá hoặc giảm sút giá trị do lỗi của bên nhận cầm cố thì phải bồi thường thiệt hại cho bên cầm cố, đồng thời tại Mục 3.1.1 Hợp đồng cầm cố giữa hai bên cũng quy định Ngân hàng phải bồi thường thiệt hại tài sản nhận cầm cố nếu để mất, hư hỏng tài sản cầm cố; do đó, sau khi nhận tài sản cầm cố là hạt điều, Ngân hàng phải có trách nhiệm trông giữ, bảo quản tài sản, giữ chìa khóa kho và cử người trông coi kho nhưng Ngân hàng lại không có biện pháp bảo quản hợp lý nên khi trời mưa, nước tràn vào kho, làm ướt hạt điều; khi hạt điều bị ướt thì không kịp thời xử lý, làm hạt điều bị ẩm, mốc, hao hụt khối lượng, giảm sút giá trị nên Ngân hàng phải bồi thường thiệt hại cho Công ty Th là đúng thỏa thuận và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về việc xác định giá để tính thiệt hại khi bán hạt điều:

Theo quy định tại Điều 336 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 65 Nghị định số 163 nêu trên thì tài sản cầm cố được xử lý theo phương thức do các bên thỏa thuận hoặc

được bán đấu giá theo quy định của pháp luật, riêng đối với tài sản bảo đảm có thể xác định được giá cụ thể, rõ ràng trên thị trường thì người xử lý tài sản được bán theo giá thị trường mà không phải qua thủ tục bán đấu giá. Như vậy, đối với trường hợp trên, nếu hạt điều không bị giảm sút giá trị, vẫn giữ nguyên là hạt điều loại 1 thì sẽ được tính theo giá thị trường tại thời điểm bán nhưng Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm lại tính theo giá bình quân của các Hợp đồng cầm cố là không đúng, từ đó xác định giá trị thiệt hại của Công ty Th không chính xác.

[3] Về tiền lãi:

Trường hợp bán hạt điều theo giá điều loại 1 trên thị trường tại thời điểm Ngân hàng xuất bán mà số tiền thu được cao hơn dư nợ gốc tính đến thời điểm thu hồi nợ thì không phát sinh tiền lãi; trường hợp số tiền thu được thấp hơn dư nợ gốc, thì sau khi khấu trừ nợ gốc, tiền lãi được tính trên dư nợ gốc còn lại.

Như vậy, do Ngân hàng có lỗi trong việc bảo quản, giữ gìn tài sản cầm cố là hạt điều loại 1 làm hao hụt khối lượng và sụt giảm giá trị nên vào các ngày 31/01/2012, 10/3/2012, 19/3/2012, 21/3/2012, Ngân hàng đã bán điều với giá thấp hơn giá điều loại 1 trên thị trường; số tiền chênh lệch giữa giá điều loại 1 trên thị trường tại thời điểm bán với giá điều do Ngân hàng bán ra là khoản thiệt hại đối với Công ty Th, số tiền này sẽ được trừ vào nợ gốc theo từng thời điểm bán điều, Ngân hàng tiếp tục tính lãi trên số nợ gốc còn lại (nếu có).

Do Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm xác định giá điều không đúng, từ đó tính giá trị thiệt hại đối với Công ty Th không chính xác, dẫn đến việc buộc Ngân hàng phải bồi thường cho Công ty Th số tiền 309.570.835 đồng và phải trả lại toàn bộ tài sản thế chấp bảo đảm khoản vay của Công ty Th là không phù hợp. Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, hủy bản án sơ thẩm và bản án phúc thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm, đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337; khoản 3 Điều 343; Điều 345 và Điều 349 Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên xử:

1. Hủy toàn bộ Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 03/2019/KDTM-PT ngày 25/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 14/2018/KDTM-ST ngày 18/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm, đúng quy định của pháp luật.

Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:
- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học – TANDTC ;
- Viện trưởng VKSNDCC tại Đà Nẵng ;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk
(2 bản kèm hồ sơ vụ án để giải quyết sơ thẩm lại);
- Chi cục THADS Tp. B, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng lưu trữ (VP); Phòng GĐKT về DS-KDTM-LĐ và hồ sơ vụ án.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
PHÓ CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lại Văn Trình